

08 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Lực chốt lời mạnh, VN-Index đóng cửa ở vùng giá thấp

Trong phiên hôm nay, VN-Index chịu áp lực chốt lời mạnh của nhà đầu tư khiến chỉ số đóng cửa ở vùng giá thấp nhất trong ngày quanh ngưỡng 1,234 điểm (-0.6% DoD). Đây là phiên thứ 4 liên tiếp của VN-Index duy trì trên ngưỡng 1,130 điểm.

Hỗ trợ tích cực ở chiều tăng điểm có sự đóng góp của GVR và NVL với điểm số đóng góp lần lượt 0,43 điểm và 0,18 điểm. Ở chiều ngược lại, VIC và VCB là 2 mã tác động giảm điểm với điểm số lần lượt 2,07 điểm và 1,88 điểm.

Tổng giá trị giao dịch của khối ngoại ở 2 sàn HSX và HNX ghi nhận mức mua ròng 16 tỷ trong đó mua ròng mạnh ở sàn HNX với giá trị đạt 28 tỷ và bán ròng nhẹ ở sàn HSX với giá trị đạt 12 tỷ. Giá trị mua ròng lớn nhất có sự góp mặt của VRE đạt gần 72 tỷ, ở chiều ngược lại, BID là mã chịu áp lực bán ròng lớn nhất đạt 37 tỷ.

Ghi nhận phiên giao dịch giảm hơn 7 điểm đã khiến cho điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index giảm từ mức +5 điểm về mức +4 điểm nhưng trạng thái đánh giá ngắn hạn vẫn là **KHẢ QUAN**.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thang đo sức mạnh thị trường



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,234.89	-0.60	5.70	65.09
HNX	293.75	0.31	11.51	182.64
UPCOM	83.07	0.62	4.60	65.12
MSCI EM	1,338.76	-0.60	2.34	53.20
NIKKEI	29,708.98	-0.07	3.36	53.51
HANG SENG	29,008.07	1.16	1.64	21.02
KOSPI	3,143.26	0.19	4.91	73.94
FTSE	6,894.27	0.13	2.61	21.43
S&P 500	4,079.95	0.15	6.77	48.36
NASDAQ	13,688.84	-0.07	8.56	69.19

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	19.17	2.58	13.60
SET INDEX	39.09	1.70	4.36
JCI INDEX	22.83	1.56	5.29
PCOMP INDEX	25.09	1.62	7.08

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.15	1	8	-135
10 năm	2.40	1	2	-68

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,088	-0.03	-0.18	1.90
US\$/KRW	1,117	-0.11	1.42	9.28
US\$/JPY	109	0.35	-0.53	-0.58
US\$/EUR	0.84	-0.04	-0.25	-8.60
US\$/GBP	0.73	0.08	0.69	-9.77
US\$/SGD	1.34	0.01	0.72	6.31

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	638	604	346
HNX	119	110	45
UPCOM	45	49	22

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

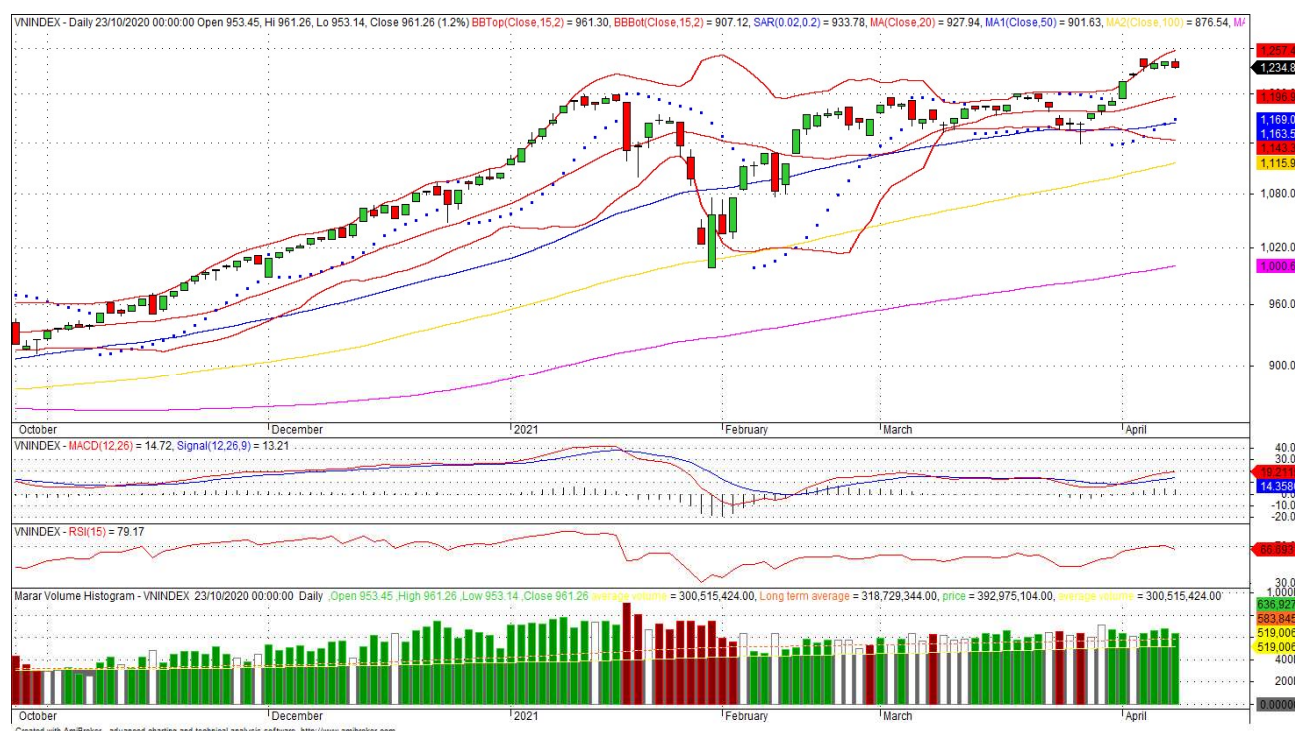
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (08/04/2021)	1.234	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.100

VN-Index tiếp tục đi ngang tích lũy ở vùng giá trên 1,230 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

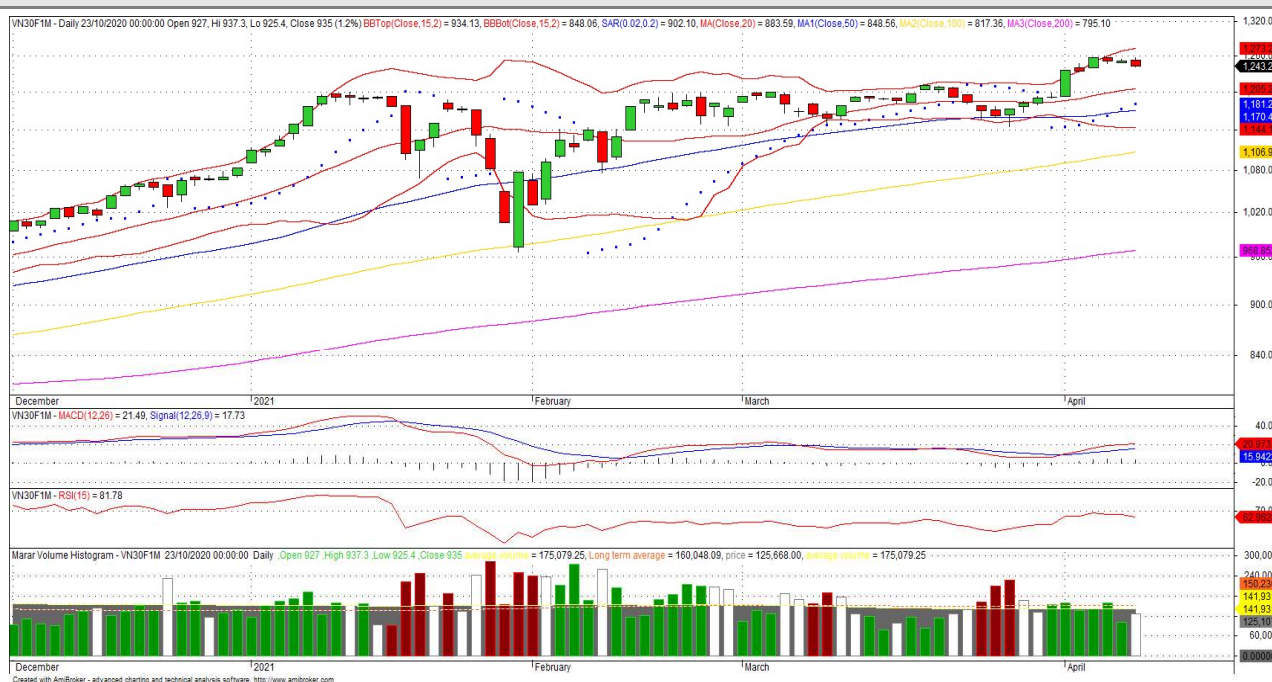
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (08/04/2021)	1.243	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.257	Hỗ trợ 1	1.150
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8.61	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

VN30F1M ghi nhận mức giảm hơn 8 điểm trong phiên ngày hôm nay, tuy nhiên điểm số đánh giá kỹ thuật vẫn đang ở mức đánh giá KHẢ QUAN.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.8	3,601,725	3	TRUNG TÍNH	3,726	12.1	1.0
ACB	34.4	8,438,650	2	TRUNG TÍNH	74,358	9.7	2.1
AMD	4.58	7,457,200	6	KHẢ QUAN	749	38.3	0.4
ART	10.2	7,775,060	-2	TRUNG TÍNH	989	#N/A N/A	0.9
ASM	16.55	3,175,960	3	TRUNG TÍNH	4,284	8.6	0.9
BID	44.8	3,406,685	4	KHẢ QUAN	180,186	25.8	2.4
BSR	17.8	14,683,220	0	TRUNG TÍNH	55,189	#N/A N/A	1.8
BVH	62.4	1,003,540	4	KHẢ QUAN	46,321	29.9	2.3
CEO	13	6,003,045	4	KHẢ QUAN	3,345	#N/A N/A	1.1
CII	24.9	3,335,270	-2	TRUNG TÍNH	5,947	24.2	1.2
CTD	72.2	776,795	-6	TIÊU CỰC	5,363	17.4	0.7
CTG	42.6	14,069,195	4	KHẢ QUAN	158,617	11.6	1.9
CTR	91.7	475,040	-7	TIÊU CỰC	6,582	23.6	6.2
DBC	58.8	2,263,765	-4	TIÊU CỰC	6,160	4.3	1.5
DCM	17.95	3,451,180	-2	TRUNG TÍNH	9,503	17.6	1.5
DGC	70.3	687,710	0	TRUNG TÍNH	10,458	12.3	2.7
DGW	121.6	346,230	2	TRUNG TÍNH	5,229	19.5	4.5
DIG	30.9	4,165,760	5	KHẢ QUAN	10,716	14.8	2.3
DLG	3.24	12,026,550	5	KHẢ QUAN	970	#N/A N/A	0.4
DPM	20.5	2,398,865	4	KHẢ QUAN	8,022	11.6	1.0
DRC	29.15	1,818,390	0	TRUNG TÍNH	3,463	13.5	2.1
DXG	25.2	6,922,990	3	TRUNG TÍNH	13,061	#N/A N/A	2.1
FCN	14.6	2,921,925	0	TRUNG TÍNH	1,831	15.5	0.8
FIT	11.4	4,081,555	3	TRUNG TÍNH	2,904	51.5	1.0
FLC	11.8	38,811,488	-2	TRUNG TÍNH	8,378	52.4	0.9
FPT	79.6	2,088,945	2	TRUNG TÍNH	62,399	17.6	4.0
FRT	32.5	2,317,430	6	KHẢ QUAN	2,567	103.8	2.1
GAS	89	644,485	-1	TRUNG TÍNH	170,342	21.7	3.5
GEX	28.5	7,854,255	7	KHẢ QUAN	13,736	16.9	2.0
GMD	35.3	2,661,605	6	KHẢ QUAN	10,639	30.7	1.8
GVR	28.4	3,383,680	0	TRUNG TÍNH	113,600	30.1	2.4
HAG	5.74	7,917,445	5	KHẢ QUAN	5,323	#N/A N/A	0.9
HAP	15	2,995,525	-6	TIÊU CỰC	832	20.5	1.2
HBC	19	6,191,425	6	KHẢ QUAN	4,387	58.9	1.2
HCM	33.05	3,484,405	2	TRUNG TÍNH	10,082	19.0	2.3
HDB	28.05	4,746,060	5	KHẢ QUAN	44,705	10.5	1.9
HDC	44.6	878,500	0	TRUNG TÍNH	2,967	12.8	2.6
HDG	43.5	1,335,615	-4	TIÊU CỰC	6,711	6.9	2.1
HHS	7.8	5,870,245	4	KHẢ QUAN	2,143	7.3	0.6
HNG	12	11,074,305	6	KHẢ QUAN	13,303	616.1	1.5
HPG	49.35	15,909,635	4	KHẢ QUAN	163,510	12.2	2.8
HPX	35.55	1,033,550	-2	TRUNG TÍNH	9,403	109.5	2.9
HQC	3.56	19,505,960	4	KHẢ QUAN	1,697	176.8	0.4
HSG	29.55	7,084,985	5	KHẢ QUAN	13,139	8.7	1.9
HUT	7	7,111,660	2	TRUNG TÍNH	1,880	#N/A N/A	0.6
HVN	33.3	1,607,000	-2	TRUNG TÍNH	47,229	#N/A N/A	7.5
IDC	40.8	3,329,255	7	KHẢ QUAN	12,240	40.6	3.4
IJC	29.1	6,826,305	0	TRUNG TÍNH	6,318	11.4	1.9
ITA	7.48	13,313,330	7	KHẢ QUAN	7,019	39.8	0.7
KBC	38.45	5,160,465	-6	TIÊU CỰC	18,062	80.5	1.9
KDC	52.8	1,215,525	2	TRUNG TÍNH	12,078	53.5	2.1
KDH	31.4	1,649,000	3	TRUNG TÍNH	17,547	15.4	2.2

KLF	4.4	12,653,490	4	KHẢ QUAN	728	330.5	0.4
KSB	32.15	1,596,940	-6	TIÊU CỰC	2,142	7.4	1.4
LCG	15.5	4,008,245	0	TRUNG TÍNH	1,786	5.7	1.0
LDG	8.42	9,339,065	2	TRUNG TÍNH	2,016	168.4	0.6
LPB	17.5	10,848,835	2	TRUNG TÍNH	18,806	10.1	1.3
MBB	31.2	17,361,120	2	TRUNG TÍNH	87,321	10.5	1.8
MBS	26.1	1,968,260	4	KHẢ QUAN	4,289	16.0	2.1
MSN	93	1,369,560	4	KHẢ QUAN	109,246	88.2	6.9
MWG	134	590,485	2	TRUNG TÍNH	63,708	15.5	3.9
NKG	24.35	4,291,230	3	TRUNG TÍNH	4,188	14.3	1.3
NLG	34.8	1,086,540	-2	TRUNG TÍNH	9,927	11.1	1.6
NVB	17.8	5,979,115	4	KHẢ QUAN	7,241	5,974.6	1.7
NVL	88.8	2,336,485	7	KHẢ QUAN	88,003	22.3	3.4
OIL	14.6	2,371,750	4	KHẢ QUAN	15,100	#N/A N/A	1.6
PDR	68.7	3,281,875	6	KHẢ QUAN	29,939	25.5	5.9
PET	23.2	2,564,205	0	TRUNG TÍNH	1,939	14.3	1.3
PHR	59.7	573,485	2	TRUNG TÍNH	8,089	7.5	2.5
PLX	55.9	1,991,495	-2	TRUNG TÍNH	69,529	77.3	3.2
PNJ	88.5	420,835	4	KHẢ QUAN	20,122	19.5	3.8
POW	13.8	15,924,725	6	KHẢ QUAN	32,318	14.7	1.1
PVD	22.9	6,986,960	2	TRUNG TÍNH	9,644	56.1	0.7
PVM	23.9	2,158,505	-2	TRUNG TÍNH	923	18.5	2.0
PVS	24	10,571,750	4	KHẢ QUAN	11,471	18.4	0.9
PVT	17.7	3,191,120	2	TRUNG TÍNH	5,729	8.6	1.2
ROS	5.29	30,839,650	7	KHẢ QUAN	3,003	5,022.2	0.5
SBT	22.65	3,978,185	2	TRUNG TÍNH	13,979	23.9	1.8
SCR	8.81	3,955,160	4	KHẢ QUAN	3,228	18.1	0.7
SHB	25.2	38,970,220	2	TRUNG TÍNH	44,113	16.0	1.8
SHS	31.6	9,526,650	5	KHẢ QUAN	6,550	8.7	2.0
SSI	35.2	10,999,925	6	KHẢ QUAN	22,735	16.8	2.1
STB	22.2	36,606,076	2	TRUNG TÍNH	40,041	14.9	1.4
TCB	41.95	10,479,630	6	KHẢ QUAN	147,031	11.9	2.0
TCH	26	6,776,685	6	KHẢ QUAN	9,735	10.1	1.9
TNG	24.9	2,333,805	7	KHẢ QUAN	1,980	12.1	1.6
TPB	28.9	4,552,100	5	KHẢ QUAN	29,815	8.2	1.8
TTF	8.15	7,578,650	7	KHẢ QUAN	2,536	72.0	#N/A N/A
VCB	100	1,593,925	4	KHẢ QUAN	370,888	20.1	3.9
VCI	67.5	1,561,510	2	TRUNG TÍNH	11,178	14.5	2.5
VHM	99.7	2,049,555	4	KHẢ QUAN	327,965	12.0	3.8
VIB	51.2	805,095	0	TRUNG TÍNH	56,801	12.2	3.2
VIC	125.4	2,145,220	2	TRUNG TÍNH	424,157	74.2	5.2
VIX	31.4	7,371,905	-2	TRUNG TÍNH	4,010	12.2	2.3
VJC	133	501,560	6	KHẢ QUAN	69,671	1,007.0	4.7
VND	35.5	6,397,520	5	KHẢ QUAN	7,615	10.7	1.9
VNM	99.9	3,332,430	4	KHẢ QUAN	208,787	20.9	6.7
VPB	46.7	4,091,275	1	TRUNG TÍNH	114,637	10.9	2.2
VPI	36.3	1,164,195	2	TRUNG TÍNH	7,260	24.2	2.6
VRE	35.3	5,466,405	6	KHẢ QUAN	80,213	33.7	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Mỹ thâm hụt thương mại kỷ lục trong tháng 2

Thâm hụt thương mại của Mỹ tăng lên mức cao kỷ lục trong tháng 2 do hoạt động kinh tế của nước này phục hồi nhanh hơn các quốc gia cạnh tranh khác trên thế giới. Báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ công bố ngày 7/4 cho biết thâm hụt thương mại Mỹ tăng 4,8% lên mức kỷ lục 71,1 tỷ USD trong tháng 2. Theo số liệu điều chỉnh theo mùa, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Mỹ giảm 2,6% còn 187,3 tỷ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu chỉ giảm 0,7% từ mức cao kỷ lục 260,1 tỷ USD của tháng 1. Bộ Thương mại Mỹ dự báo thâm hụt thương mại Mỹ có thể vẫn ở mức cao trong năm nay, với gói kích thích tài chính được cho là sẽ thúc đẩy kinh tế nước này tăng trưởng nhanh nhất trong gần 4 thập kỷ.

Tín dụng tại Hà Nội tăng 0,7% trong quý I

Cục Thống kê Hà Nội vừa công bố báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội quý I trong đó bao gồm cả chỉ tiêu về tín dụng ngân hàng. Theo Cục Thống kê Hà Nội, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đang tiếp tục đẩy mạnh triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ cho khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19; thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định của Ngân hàng Nhà nước và xem xét cho khách hàng vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù đã cố gắng đẩy mạnh tín dụng nhưng số liệu hết quý I lại cho thấy, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn chỉ đạt 2,22 triệu tỷ đồng. Tức chỉ tăng 0,1% so tháng trước và tăng 0,7% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng tín dụng chung toàn bộ nền kinh tế quý đầu năm lên tới 2,04%. Như vậy, tín dụng trên địa bàn Hà Nội đang tăng chậm hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của cả nước. Chi tiết về cơ cấu tín dụng tại Hà Nội, theo kỳ hạn, dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 892.000 tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 1,3% so với thời điểm kết thúc năm 2020; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 1,33 triệu tỷ đồng, tương đương tháng trước và tăng 0,3% so với thời điểm kết thúc năm 2020.

KLB: bán hết 176 triệu cổ phiếu STB

Kienlongbank ([UPCoM: KLB](#)) cho biết, đến 29/3, đã phối hợp với khách hàng xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm liên quan đến dư nợ các khoản vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác (cổ phiếu STB của ngân hàng Sacombank). Ngân hàng cũng đã hoàn thành việc thu hồi nợ gốc và lãi dự thu này theo Quyết định số 2595/QĐ-NHNN ngày 18/12/2019 và các công văn khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước. 176 triệu cổ phiếu STB được dùng để đảm bảo cho khoản vay với dư nợ có khả năng mất vốn gần 1.900 tỷ đồng. Trong quý IV năm 2020, ngân hàng này đã bán được một phần cổ phiếu trên, giúp giảm 369 tỷ đồng nợ có khả năng mất vốn, ghi nhận hoàn nhập dự phòng và thoát lỗ trong quý cuối cùng của năm.

SGB: lên kế hoạch lãi trước thuế tăng 11%

Saigonbank ([UPCoM: SGB](#)) trình cổ đông kế hoạch năm 2021 với lãi trước thuế 135 tỷ đồng, tăng hơn 11% so với năm trước, dự kiến trả cổ tức tỷ lệ 5%. Tổng

tài sản đến cuối năm dự kiến đạt 24.336 tỷ đồng, tăng 1,6% so với đầu năm. Vốn huy động và dư nợ tín dụng dự kiến lần lượt tăng 1,77% và 4,5%. Thanh toán đối ngoại dự kiến khoảng 300 triệu USD, tăng hơn 10% so với năm 2020. Saigonbank sẽ tập trung các biện pháp xử lý nợ xấu (nợ xấu nội bảng, nợ tiềm ẩn và nợ VAMC), kiểm soát và hạn chế nợ xấu mới phát sinh, trình cấp có thẩm quyền tổ chức triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025. HĐQT sẽ trình cổ đông kế hoạch chia cổ tức 2020 tỷ lệ 5%. Các chỉ tiêu được Saigonbank xây dựng dựa trên bối cảnh Covid-19 được kiểm soát tốt, trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, ngân hàng sẽ điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp

OCB trình phát hành gần 350 triệu cổ phiếu

Tại phiên họp thường niên 2021 dự kiến tổ chức ngày 28/4, HĐQT OCB ([HoSE: OCB](#)) trình kế hoạch lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước, chia cổ tức tỷ lệ 20 – 25%. Ngân hàng đặt kế hoạch tổng tài sản tăng 20%, lên 183.500 tỷ đồng. Tín dụng tăng 25% (trong điều kiện NHNN phê duyệt kế hoạch đề xuất), nâng tổng dư nợ lên 113.000 tỷ đồng, huy động vốn trên thị trường 1 ở mức 136.700 tỷ đồng, tăng 26%. Tại đại hội, HĐQT cũng trình cổ đông kế hoạch tăng 30% vốn điều lệ từ 10.959 tỷ đồng lên 14.449 tỷ đồng, thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành ESOP và chào bán riêng lẻ.

BAB: lên kế hoạch tăng lãi 20% năm 2021

Theo tài liệu họp cổ đông thường niên 2021, Bac A Bank (HNX: [BAB](#)) đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 700 tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm dự kiến tăng 7% lên mức 125.510 tỷ đồng. Trong đó, dư nợ cho vay khách hàng tăng 11% lên 88.179 tỷ đồng. Các chỉ tiêu có thể sẽ được thay đổi, điều chỉnh theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Huy động vốn trên thị trường 1 lên kế hoạch đạt 99.851 tỷ đồng, tăng 8%. Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu kiểm soát dưới 1,5%. HĐQT cũng trình phương án phát hành thêm hơn 44,6 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, tương đương tỷ lệ 6,3%, dự kiến nâng vốn điều lệ lên trên 7.531 tỷ đồng. Cổ phiếu mới không bị hạn chế chuyển nhượng. Cuối tháng 11/2020, Bac A Bank tăng vốn điều lệ từ 6.500 tỷ lên 7.085 tỷ đồng thông qua, phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 9%.

PLX: lên kế hoạch lợi nhuận 3.360 tỷ đồng, chia cổ tức 12%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex, [HoSE: PLX](#)) công bố kế hoạch doanh thu hợp nhất năm 2021 tăng 9% lên 135.200 tỷ đồng. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 3.360 tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm ngoái. Chính sách cổ tức dự kiến không thấp hơn 12%. Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện để triển khai dự án LNG – Mỹ Giang và tập trung nghiên cứu các cơ hội đầu tư, các dự án tiềm năng trong lĩnh vực năng lượng mới thông qua việc hợp tác chặt chẽ với đối tác chiến lược ENEOS và các Tập đoàn năng lượng lớn trên thế giới. Petrolimex đặt mục tiêu hoàn thành việc thoái vốn trong lĩnh vực ngân hàng tại PG Bank; triển khai phương án giảm tỷ lệ vốn đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm tại PJICO; rà soát, tiếp tục thực hiện việc thoái vốn các khoản đầu tư ngoài ngành.

ASM: chia cổ tức 30%, chào bán cổ phiếu tỷ lệ 50%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Tập đoàn Sao Mai ([HoSE: ASM](#)) đề xuất mức chia cổ tức cho năm 2019 và mức chi cho năm 2020 với tổng tỷ lệ 30%, tương ứng với giá trị gần 777 tỷ đồng. Nguồn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020. Hình thức chi trả dự kiến do HĐQT lựa chọn sao cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại thời điểm chi, có thể bằng tiền, bằng cổ phiếu hoặc cả 2 để mang lại lợi ích cho cổ đông. Tập đoàn này có chia cổ tức vào tháng 10/2019 với tổng tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. Đây là đợt chia cổ năm 2018 với tỷ lệ 8% và tạm ứng cổ tức năm 2019 tỷ lệ 2%. Tại đại hội thường niên năm ngoái, cổ đông ASM thông qua việc giữ toàn bộ lợi nhuận để tái đầu tư nên chưa thực hiện chi trả cổ tức cho năm 2019, HĐQT sẽ xem xét trình ĐHĐCĐ năm 2021 về việc chia cổ tức khi tình hình kinh doanh ổn định.

BAX: chốt quyền chia cổ tức gần 131%

Công ty Thống Nhất ([HNX: BAX](#)) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức đợt 2 năm 2020 với tỷ lệ 130,93% (1 cổ phiếu được nhận 13.093 đồng). Với 8,2 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền dự chi hơn 107 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 26/4. Thời gian thanh toán chia làm 2 đợt, bao gồm chi trả 40,93% vào ngày 26/5 và trả 90% vào ngày 26/7. Trước đó tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/3, cổ đông BAX đã thông qua mức chia cổ tức cho cả năm 2020 là 160,93% (1 cổ phiếu được nhận 16.093 đồng). Trong đó công ty đã có tạm ứng cổ tức đợt 1/2020 tỷ lệ 50% bằng tiền. Năm ngoái, chủ khu công nghiệp Bàu Xéo ghi nhận doanh thu 336 tỷ đồng, tăng 65% và vượt 13% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 146 tỷ đồng, tăng 71% và vượt 34% kế hoạch năm. Đây cũng là mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục của doanh nghiệp.

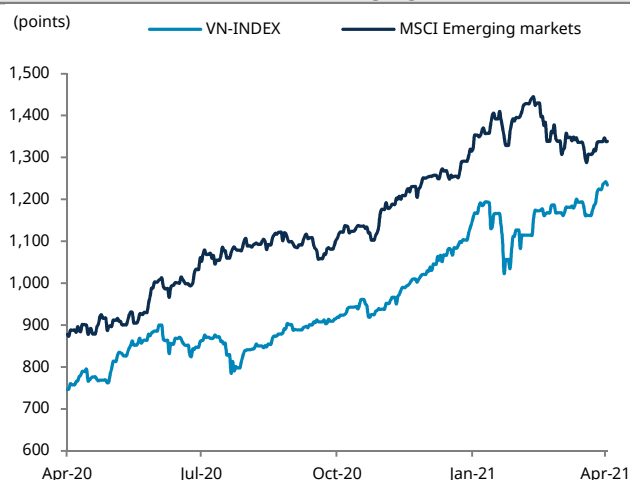
BFC: trình chia cổ tức 2020 tỷ lệ 20%, kế hoạch lãi 2021 giảm 17%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền ([HoSE: BFC](#)) dự kiến trình kế hoạch sản xuất và tiêu thụ tương đương năm trước với 602.000 tấn. Tổng doanh thu tăng nhẹ 3% lên 5.690 tỷ đồng nhưng lợi nhuận trước thuế hợp nhất giảm 17% xuống 166 tỷ đồng. Cổ tức không thấp hơn 12%. Riêng quý I, lãnh đạo doanh nghiệp đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất 60,5 tỷ đồng, gấp 7,6 lần thực hiện cùng kỳ và tăng khoảng 15% so với quý IV/2020. Ban lãnh đạo cho rằng dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tiếp tục gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế thế giới và trong nước. Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong và ngoài nước trong năm 2021 dự báo sẽ khốc liệt nhất từ trước đến nay. Doanh nghiệp sản xuất NPK không chỉ cạnh tranh trong ngành mà với doanh nghiệp phân đơn nhập khẩu, phân hữu cơ bởi việc gia tăng sử dụng phân đơn, phân hữu cơ của nông dân ngày càng cao làm nhu cầu phân bón NPK giảm mạnh.

Bản tin thị trường

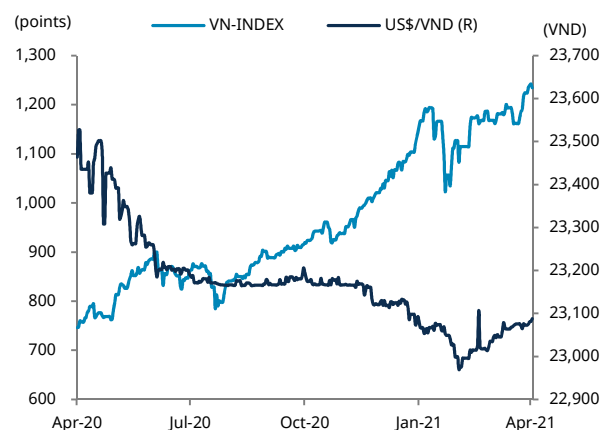
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



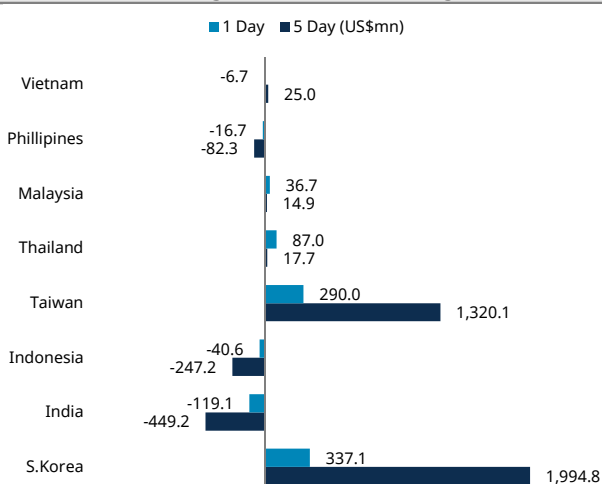
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



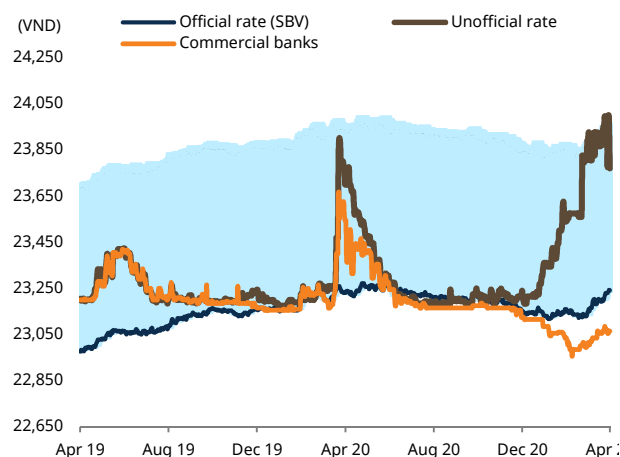
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



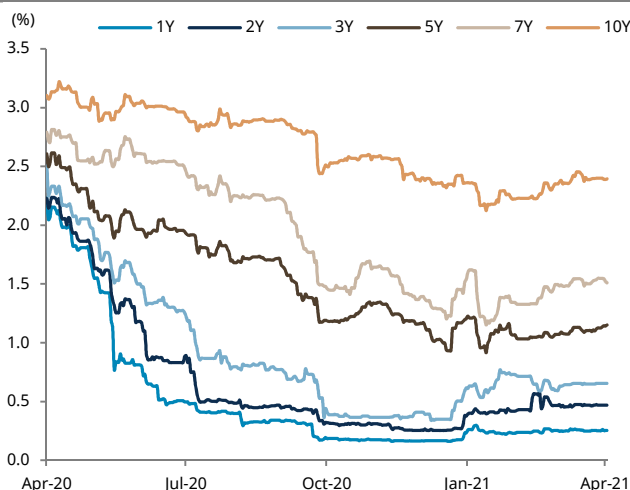
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



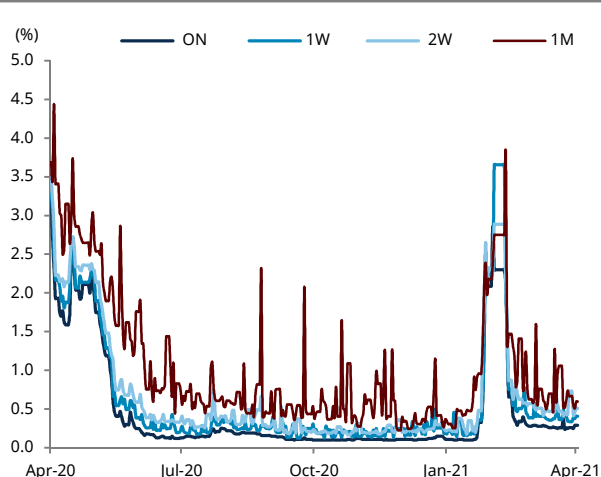
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21		FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	1,251.81	3,246,154		-0.5	2.1	7.0	81.1	16.1	13.5	2.8	2.4	19.4		17.5	19.3
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,800	180,186	17.0	-1.6	1.9	5.5	18.1	18.2	12.8	2.0	1.7	41.8		11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	62,400	46,321	27.5	-1.6	2.5	5.6	30.5	28.5	22.8	2.2	2.0	25.0		8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	42,600	158,617	26.9	-0.9	3.8	12.4	116.2	9.2	8.3	1.6	1.4	10.9		18.5	18.0
CTCP FPT	FPT VN	79,600	62,399	49.0	0.0	-0.1	5.0	95.4	15.9	13.4	3.4	3.0	18.1		24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,000	170,342	2.8	-0.1	-1.8	-6.3	41.9	16.7	16.0	3.2	3.0	4.2		19.7	19.8
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	28,050	44,705	16.8	1.1	4.7	8.1	124.1	8.1	6.8	1.7	1.4	18.9		20.1	21.3
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	49,350	163,510	30.3	-0.2	1.8	6.6	216.7	9.2	8.4	2.1	1.7	9.7		26.0	23.6
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,400	17,547	33.8	1.8	1.3	1.0	69.1	14.4	10.9	2.0	1.7	31.8		15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	31,200	87,321	23.0	-1.9	6.8	13.0	130.6	8.5	7.1	1.5	1.3	19.7		19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	93,000	109,246	32.4	-0.9	0.8	6.4	57.9	40.6	24.2	5.4	4.4	67.9		13.4	19.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	134,000	63,708	49.0	-0.4	-0.2	2.4	81.1	12.7	10.1	3.1	2.7	25.7		27.7	27.9
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	88,800	88,003	6.5	0.8	8.6	9.1	72.7	22.4	19.2	2.9	2.4	16.8		11.4	11.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	68,700	29,939	2.7	0.0	8.7	21.3	262.6	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,900	69,529	16.4	0.2	-0.7	-4.3	45.6	21.1	17.1	3.0	2.9	23.3		16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	88,500	20,122	49.0	0.0	3.5	5.9	57.5	16.2	12.7	3.4	2.8	27.4		22.6	24.1
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,800	32,318	3.8	-1.1	1.1	-2.5	61.6	15.1	13.5	1.1	1.0	12.4		7.6	7.8
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,800	16,318	49.0	-0.9	-2.0	-5.7	77.2	9.2	7.8	1.2	1.5	17.8		14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,650	13,979	8.1	-0.2	-1.1	1.6	67.8	19.4	NA	1.7	NA	NA		8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	35,200	22,735	41.3	-0.4	3.7	4.9	184.5	15.7	14.7	NA	NA	7.1		12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	22,200	40,041	9.8	-0.4	2.8	19.4	139.2	15.3	9.2	1.3	1.2	66.0		9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	41,950	147,031	22.5	-0.6	2.3	8.0	151.2	9.9	8.6	1.7	1.4	15.1		18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	26,000	9,735	11.3	-1.5	7.2	17.9	26.5	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,900	29,815	30.0	0.3	3.2	1.4	106.5	7.6	5.5	1.4	1.2	38.8		23.3	24.1
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	100,000	370,888	23.4	-1.9	3.2	5.0	48.1	17.5	14.2	3.1	2.7	23.2		20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,700	327,965	22.2	-0.8	0.7	2.6	42.4	10.7	8.9	2.9	2.2	20.7		31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	125,400	424,157	14.4	-1.8	2.0	18.3	33.4	58.1	49.8	4.6	4.1	16.7		8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	133,000	69,671	19.2	0.0	0.4	-2.2	34.3	64.4	22.8	4.2	3.4	182.7		5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	99,900	208,787	55.8	-0.2	-1.1	-2.3	21.1	19.5	17.8	6.1	5.6	9.4		34.5	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	46,700	114,637	23.4	0.4	1.7	12.9	147.1	9.5	8.0	1.8	1.4	19.0		20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	35,300	80,213	30.4	-0.3	4.3	2.5	56.9	28.3	22.1	2.6	2.3	28.1		9.3	11.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	-7.49	4,658,435	-0.6	1.5	5.7	65.1	19.2	15.6	2.6	2.5	23.0	13.6	17.5
Ô tô và phụ tùng	-0.01	8,481	-0.4	-0.7	4.2	69.2	5.7	5.4	1.1	1.0	23.5	11.2	10.9
Ngân hàng	-4.33	1,403,872	-1.1	1.8	9.3	75.4	13.3	10.8	2.1	1.7	16.3	18.2	18.8
Xây dựng cơ bản	0.32	184,823	0.7	3.6	7.6	109.5	5.8	4.2	0.4	0.4	NA	5.4	5.6
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,636	-0.7	-2.1	-1.0	40.5	6.6	5.3	NA	NA	-29.7	11.2	13.1
May mặc và trang sức	0.01	42,380	0.1	0.8	14.7	221.0	13.2	10.9	2.6	2.1	-9.2	17.6	17.4
Dịch vụ tiêu dùng	-0.03	9,888	-0.2	2.6	1.0	74.6	13.6	4.7	NA	NA	NA	3.6	9.4
Dịch vụ tài chính	-0.03	67,084	-0.2	1.8	7.3	182.7	10.5	4.8	NA	NA	41.1	9.0	4.2
Năng lượng	0.02	88,113	0.1	-0.9	-5.1	62.1	20.8	16.3	2.5	2.4	-64.3	14.2	14.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.84	538,285	-0.6	-1.6	0.7	42.8	21.8	16.4	4.6	4.0	-15.2	22.3	23.6
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	965	-2.7	1.7	0.5	76.3	NA	NA	NA	NA	-41.8	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.03	12,386	-1.0	1.8	0.8	3.7	7.4	6.4	1.8	NA	51.3	24.3	24.3
Bảo hiểm	-0.22	53,041	-1.5	0.8	5.1	29.9	25.4	20.4	1.9	1.8	28.2	7.6	8.8
Nguyên vật liệu	0.28	390,629	0.3	0.7	3.1	198.6	13.6	13.5	1.8	0.9	56.4	16.5	15.0
Giải trí và truyền thông	-0.02	2,113	-3.0	-4.1	-8.5	-16.5	NA	NA	NA	NA	-38.3	NA	NA
Dược phẩm	-0.05	34,956	-0.5	-0.8	0.9	32.7	NA	NA	NA	NA	10.8	NA	NA
Bất động sản	-2.21	1,151,091	-0.7	1.5	9.8	56.5	9.2	8.1	1.7	1.6	-34.3	9.7	9.8
Bán lẻ	-0.06	72,218	-0.3	-0.3	2.7	80.4	28.8	24.3	3.0	2.6	-3.5	14.1	14.6
Phần mềm và dịch vụ	0.01	66,745	0.1	-0.2	5.4	93.6	11.9	9.5	2.8	2.3	10.2	25.0	25.3
Thiết bị và phần cứng	-0.04	5,229	-2.7	0.5	8.2	434.5	14.9	12.6	3.2	2.8	56.9	22.8	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,169	-0.6	1.9	1.3	327.0	13.9	11.2	3.6	2.8	14.2	27.1	26.8
Vận tải	0.06	180,178	0.1	0.3	2.4	55.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.27	261,878	-0.4	-0.5	-3.9	41.5	27.8	10.7	5.2	4.2	-27.2	-20.2	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	28,400	1.43	3,152,300	0.43
NVL VN	88,800	0.79	2,634,700	0.18
GEX VN	28,500	4.59	10,628,200	0.16
DIG VN	30,900	5.46	10,477,800	0.15
DXG VN	25,200	4.13	12,687,800	0.14
VPB VN	46,700	0.43	4,285,000	0.13
HDB VN	28,050	1.08	5,669,400	0.13
HVN VN	33,300	0.91	851,000	0.11
BCM VN	57,400	0.70	2,700	0.11
KDH VN	31,400	1.78	3,222,500	0.08

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	125,400	-1.80	1,509,200	-2.07
VCB VN	100,000	-1.86	1,575,400	-1.88
BID VN	44,800	-1.65	4,412,400	-0.80
VHM VN	99,700	-0.80	1,584,900	-0.70
VIB VN	51,200	-3.94	1,307,400	-0.62
SAB VN	174,000	-1.69	147,300	-0.51
MBB VN	31,200	-1.89	22,368,700	-0.45
CTG VN	42,600	-0.93	11,652,100	-0.40
MSN VN	93,000	-0.85	1,205,800	-0.25
TCB VN	41,950	-0.59	7,518,800	-0.23

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.